TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 416/2023/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 20 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 636/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Phú G, sinh năm 1986; nơi thường trú: Số 1X. khu phố T3, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết T1, sinh năm 1985; nơi thường trú: Số X, tổ 2X, khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phú G và bà Nguyễn Thị Tuyết T1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 256/2012, quyển 02/2012 cấp ngày 19/11/2012.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông Nguyễn Phú G và bà Nguyễn Thị Tuyết T1 chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, ông Nguyễn Phú G và bà Nguyễn Thị Tuyết T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Phú G và bà Nguyễn Thị Tuyết T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu T4, sinh ngày 19/5/2014 và Nguyễn Hữu T5, sinh ngày 25/01/2018. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết T1 được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Phú G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 4.000.000 đồng/tháng/01 người con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Phú G và bà Nguyễn Thị Tuyết T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Phú G và bà Nguyễn Thị Tuyết T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, thỏa thuận không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Phú G và bà Nguyễn Thị Tuyết T1.

- Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Hữu T4, sinh ngày 19/5/2014 và Nguyễn Hữu T5, sinh ngày 25/01/2018 cho bà Nguyễn Thị Tuyết T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, vì quyền lợi của con, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phú G cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 4.000.000 đồng/tháng/01 người con, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2023 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Phú G và bà Nguyễn Thị Tuyết T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004776 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thiệu Văn Kết Em